

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế và giao dự toán kinh phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường dây 500kV Quỳnh Lưu - Thanh Hóa (đoạn đi qua tỉnh Thanh Hóa)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐTTg ngày 01/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 4, năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 411/TTr-SNN&PTNT ngày 29/12/2023; của Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung tại Văn bản số 10185/CPMBPĐB+PTĐ ngày 20/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường dây 500kV Quỳnh Lưu - Thanh Hóa (đoạn đi qua tỉnh Thanh Hóa) với những nội dung chính sau:

1. Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sang mục đích khác: 6,4931 ha.
2. Địa điểm: Trên địa bàn các xã: Trường Lâm, Tân Trường, Phú Lâm, Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn; xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh.
3. Loại rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác:
 - a) Theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất: 5,1181 ha; rừng phòng hộ: 1,375 ha.
 - b) Theo nguồn gốc hình thành rừng: Rừng tự nhiên: 1,4381 ha; rừng trồng: 5,055 ha.
4. Chủ dự án nộp tiền trồng rừng thay thế: Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung.
5. Đơn giá nộp tiền ủy thác trồng rừng thay thế: 99,962 triệu đồng/ha.
6. Tổng số tiền phải nộp (làm tròn): 936,574 triệu đồng (*Viết bằng chữ: Chín trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn đồng*), gồm:
 - a) Nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên: 431,266 triệu đồng.
 - b) Nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng trồng: 505,308 triệu đồng.
7. Thời gian thực hiện nộp tiền: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Giao giá trị dự toán kinh phí thực hiện trồng rừng thay thế do Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung nộp khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường dây 500kV Quỳnh Lưu - Thanh Hóa (đoạn đi qua tỉnh Thanh Hóa), cụ thể:

1. Chủ đầu tư: Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.
2. Địa điểm trồng rừng thay thế: Rừng đặc dụng thuộc Tiểu khu 510, 513, 515 - Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, huyện Thường Xuân.
3. Quy mô diện tích trồng rừng thay thế: Đảm bảo tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Lâm nghiệp năm 2017; khoản 2 Điều 2 Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.
4. Giải pháp thiết kế kỹ thuật: Theo quy định của pháp luật hiện hành và nội dung phê duyệt của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 712/QĐ-SNN&PTNT ngày 29/12/2023 (được UBND tỉnh ủy quyền tại Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020).

5. Giao tổng giá trị dự toán kinh phí cho chủ đầu tư (Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên) để thực hiện trồng rừng thay thế: 936,574 triệu đồng (*Viết bằng chữ: Chín trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn đồng*).

6. Tiến độ giải ngân: *Chi tiết theo Phụ biểu đính kèm.*

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung có trách nhiệm nộp tiền về Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa để ủy thác trồng rừng thay thế theo nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và quy định tại Điều 79 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh về tính chính xác, sự phù hợp với quy định của pháp luật của nội dung thẩm định, phê duyệt về thiết kế kỹ thuật, dự toán kinh phí và đơn giá nộp tiền ủy thác trồng rừng thay thế (chủng loại, mật độ cây trồng, đơn giá cây giống, đơn giá nhân công, đơn giá phân bón...), đảm bảo không làm thất thoát ngân sách Nhà nước; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung nộp tiền về Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa; theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu trồng rừng thay thế theo đúng quy định; phát hiện kịp thời, tham mưu ngay cho UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý và có biện pháp khắc phục những tồn tại, vướng mắc, vi phạm (nếu có) liên quan đến việc nộp tiền trồng rừng thay thế, tổ chức trồng rừng thay thế theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa tiếp nhận, quản lý, tổ chức giải ngân, kiểm soát thanh toán các khoản chi trồng rừng thay thế theo phê duyệt của UBND tỉnh và quy định tại Mục 5 Chương II về quản lý thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư cho dự án đầu tư công của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

4. Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên tổ chức trồng rừng thay thế theo phương án trồng rừng thay thế, dự toán, thiết kế kỹ thuật trồng rừng thay thế được cấp thẩm quyền phê duyệt cho đến khi được nghiệm thu hoàn thành, tổ chức quản lý, sử dụng rừng trồng thay thế và thanh toán, quyết toán kinh phí đầu tư trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chi cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, giám sát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện trồng rừng thay thế

và chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng đối với diện tích rừng trồng thay thế trên địa bàn.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn; Chủ tịch UBND huyện Nông Cống; Chủ tịch huyện Như Thanh; Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh; Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên; Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4, QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, NN.

(MC01.01.24)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ BIỂU

Giao dự toán kinh phí trồng rừng thay thế do Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung nộp tiền khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Đường dây 500kV Quỳnh Lưu - Thanh Hóa (đoạn đi qua tỉnh Thanh Hóa)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

TT	Thời gian	Tổng cộng theo năm	CHỦ ĐẦU TƯ							QUẢN LÝ DỰ ÁN CẤP TỈNH		
			Tổng	Chi phí trực tiếp	Chi phí chung	Thu nhập chịu thuế tính trước	Chi phí tư vấn (khảo sát thiết kế)	Chi phí khác (thảm định)	Quản lý dự án	Sở Nông nghiệp và PTNT	Ban quản lý Quỹ Bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh	Chi cục Kiểm lâm
1	Năm thứ nhất	469.530	459.708	373.610	40.166	22.758	17.783	2.117	3.274	3.274	3.274	3.274
2	Năm thứ 2	216.117	211.395	198.882		10.939			1.574	1.574	1.574	1.574
3	Năm thứ 3	161.911	158.374	149.000		8.195			1.179	1.179	1.179	1.179
4	Năm thứ 4	89.016	87.070	81.916		4.505			649	649	649	648
	Tổng cộng	936.574	916.547	803.408	40.166	46.397	17.783	2.117	6.676	6.676	6.676	6.675